

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	272	5,440,000
Được chi trong ngày					5,440,000
Đã chi trong ngày					5,440,000
1. Dịch vụ					408,000
1	chất đốt		1,500	272	408,000
2. Kho					879,260
 Ăn chính					879,260
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	23.2	359,600
2	Dầu lạc	Kg	120,000	1.4	168,000
3	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.5	37,000
4	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
5	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.43	26,660
6	Dầu simply	Lít	68,000	4	272,000
3. Đi chợ					4,152,740
 Ăn chính					4,152,740
1	Đậu xanh	Kg	50,000	1	50,000
2	Cà chua	Kg	20,000	3	60,000
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	3	75,000
4	Giá đậu xanh	Kg	18,000	12	216,000
5	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.3	10,500
6	Rau mùi tàu	Kg	1,000	0.7	700
7	Rau mồng tơi	Kg	20,000	4	80,000
8	Thịt bò loại I	Kg	240,000	8.2	1,968,000
9	Thịt gà ta	Kg	130,000	2.5	325,000
10	Tôm biển	Kg	170,000	2	340,000
11	Đậu Phụ	Kg	25,000	10	250,000
12	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
13	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2	260,000
14	Sữa ông thọ hộp	Hộp	30,000	15	450,000
15	Gia vị bò kho sốt vang	Gói	7,000	4	28,000
16	Gừng tươi	Kg	40,000	0.1	4,000
17	Lá chanh	Kg	1,000	0.54	540
Chênh lệch cuối ngày					0

Kê toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

